

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 04/11/2021.

Về việc: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Khoa.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Dương Văn Xuyên.**

2. Ông **Nguyễn Duy Tuyên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị L**, sinh năm 1996;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Xóm B, xã V, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Văn H**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị **L.**

Vắng mặt: Anh **H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Dương Thị L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng nhau, ở trên nhà đất của gia đình anh H tại thôn Đ, xã B, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có con chung và anh H mãi chơi không quan tâm đến gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 3 năm 2020, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm B, xã V, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để ở và anh chị ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai gia đình hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị xin ly hôn anh Lưu Văn H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác định, vợ chồng không có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn:** Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Lưu Văn H đã không cung cấp tài liệu, chứng cứ và quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật nên không phải nhắc nhở gì. Đối với bị đơn đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án nên cần nhắc nhở về ý thức chấp hành pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L đối với anh Lưu Văn H.

Về con chung: Xác định chị L và anh H không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, đất ở và đất sản xuất nông nghiệp: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Về án phí không có giá ngạch, chị L phải chịu cả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá đầy đủ, khách quan tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Dương Thị L có đơn xin ly hôn anh Lưu Văn H. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp về ly hôn”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lưu Văn H là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tại thời điểm chị Dương Thị L khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Lưu Văn H tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Anh H đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã tổng đạt họp lệ thủ tục phiên tòa cho anh H theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Dương Thị L và anh Lưu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L xác định trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau lâu nhưng không thể có con chung và anh H mãi chơi, không quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và đã không còn chung sống cùng nhau từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Tháng 3 năm 2021, chị L khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng sau đó chị L xin rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay, chị L tiếp tục khởi kiện xin ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cùng đại diện gia đình chị L và anh H đều thể hiện: Trong cuộc sống chung vợ chồng, do anh chị

chung sống với nhau không có con chung nên đã nảy sinh mâu thuẫn và anh chị không còn chung sống cùng nhau từ tháng 3 năm 2020 đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị L và anh H đã chung sống với nhau nhiều năm mà không có con chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống cùng nhau dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2.2]. **Về con chung:** Chị Dương Thị L và anh Lưu Văn H không có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

[2.4]. **Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét, giải quyết về vấn đề này.

[3]. **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Chị Dương Thị L phải chịu cả để sung ngân sách Nhà nước.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. **Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên tòa:** Cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L.

Chị Dương Thị L được ly hôn anh Lưu Văn H.

Quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị L và anh Lưu Văn H chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Dương Thị L và anh Lưu Văn H không có con chung.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Dương Thị L phải chịu cả để sung ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/000xxxx ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn. Chị Dương Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Chị Dương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- UBND đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Duy Khoa